Người ký: Phạm Thị Thúy
Ngày ký: 01/10/2026 17:09:30
Chức danh: Kế toán trưởng
Cơ quan: Kho bạc Nhà nước Khu vực III-Phòng giao dịch số 5
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mã chương: 822 **Mã hồ sơ: SD26-1040793-007-006737** **Mẫu số 28**

Đơn vị: Trường tiểu học Tô Hiệu **Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT**

Mã ĐVQHNS: 1040793

Mã cấp NS: 4

Kho bạc Nhà nước giao dịch: KBNN Khu vực III-PGD số 5

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 /Năm 2026

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn ngân sách nhà nước	Mã ngành kinh tế	Mã nội dung kinh tế	Mã chương trình mục tiêu, dự án	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	12	072	6404	00000	0	0	3.626.154.000	3.626.154.000	3.626.154.000	3.626.154.000
Tài sản và thiết bị chuyên dùng	12	072	6954	00000	0	0	0	491.480.000	0	491.480.000
Chi các khoản khác	12	072	7799	00000	0	0	0	8.520.000	0	8.520.000
Lương theo ngạch, bậc	13	072	6001	00000	0	0	1.698.768.500	4.743.109.564	1.698.768.500	4.743.109.564
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	072	6051	00000	0	0	48.724.863	283.928.803	48.724.863	283.928.803
Phụ cấp chức vụ	13	072	6101	00000	0	0	25.806.000	67.926.000	25.806.000	67.926.000
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	072	6105	00000	0	0	248.400.000	248.400.000	248.400.000	248.400.000
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	13	072	6107	00000	0	0	3.858.000	4.326.000	3.858.000	4.326.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	072	6112	00000	0	0	579.638.723	1.615.424.639	579.638.723	1.615.424.639
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	072	6113	00000	0	0	3.795.000	10.815.000	3.795.000	10.815.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	072	6115	00000	0	0	381.899.215	1.048.589.632	381.899.215	1.048.589.632
Bảo hiểm xã hội	13	072	6301	00000	0	0	377.294.910	1.059.010.528	377.294.910	1.059.010.528

Bảo hiểm y tế	13	072	6302	00000	0	0	64.679.128	181.544.663	64.679.128	181.544.663
Bảo hiểm thất nghiệp	13	072	6304	00000	0	0	21.559.709	60.514.887	21.559.709	60.514.887
Chi khác	13	072	6449	00000	0	0	0	29.437.200	0	29.437.200
Tiền điện	13	072	6501	00000	0	0	26.853.120	79.888.032	26.853.120	79.888.032
Tiền nước	13	072	6502	00000	0	0	3.374.208	46.351.728	3.374.208	46.351.728
Tiền vệ sinh, môi trường	13	072	6504	00000	0	0	5.397.496	19.221.496	5.397.496	19.221.496
Tiền khoán phương tiện theo chế độ	13	072	6505	00000	0	0	0	1.132.800	0	1.132.800
Văn phòng phẩm	13	072	6551	00000	0	0	3.193.800	4.191.800	3.193.800	4.191.800
Khoán văn phòng phẩm	13	072	6553	00000	0	0	7.170.000	7.170.000	7.170.000	7.170.000
Vật tư văn phòng khác	13	072	6599	00000	0	0	0	7.133.704	0	7.133.704
Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	13	072	6605	00000	0	0	4.173.000	11.689.000	4.173.000	11.689.000
Phụ cấp công tác phí	13	072	6702	00000	0	0	0	1.200.000	0	1.200.000
Tiền thuê phòng ngủ	13	072	6703	00000	0	0	0	1.650.000	0	1.650.000
Hệ thống số, nền tảng số, hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu và các thiết bị công nghệ số	13	072	6912	00000	0	0	480.000	5.480.000	480.000	5.480.000
Tài sản và thiết bị văn phòng	13	072	6913	00000	0	0	1.230.000	15.581.200	1.230.000	15.581.200
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	072	7001	00000	0	0	2.589.345	14.134.757	2.589.345	14.134.757
Chi khác	13	072	7049	00000	0	0	8.130.000	35.284.368	8.130.000	35.284.368
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	13	072	7757	00000	0	0	4.237.371	4.237.371	4.237.371	4.237.371
Chi các khoản khác	13	072	7799	00000	0	0	208.000	15.074.144	208.000	15.074.144
				Cộng:	0	0	7.147.614.388	13.748.601.316	7.147.614.388	13.748.601.316
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 10 năm 2026

Kế toán

(Ký tên)

Nguyễn Thị An

Kiểm soát

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Phạm Thị Thúy
Ngày ký: 01/10/2026 17:09:30
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực III-PGD số 5

Phạm Thị Thúy

ĐƠN VỊ GIAO DỊCH

Ngày 1 tháng 10 năm 2026

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Người ký: Nguyễn Thị Lương Duyên
Ngày ký: 01/10/2026 16:00:48
Đơn vị: Trường tiểu học Tô Hiệu

Nguyễn Thị Lương Duyên

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Người ký: ĐẶNG THỊ KIM THANH
Ngày ký: 01/10/2026 16:08:55
Đơn vị: Trường tiểu học Tô Hiệu

ĐẶNG THỊ KIM THANH